TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2018/HN-ST
Ngày: 01 - 6 - 2018
V/v tranh chấp *"Xin ly hôn"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị M**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ngô Văn U**
2. Ông **Nguyễn Văn N**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phùng Anh Th** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Ông **Trần Thanh B** – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp*"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Võ Thị Mộng N** - Sinh năm: 1979 (Có mặt);

Địa chỉ: ấp Bà Ti, xã Phú Đ , huyện A, tỉnh B

2. Bị đơn: **Ngô Hoàng S** - Sinh năm: 1977 (Vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Bà Ti, xã Phú Đ , huyện A, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Võ Thị Mộng N trình bày:**

Chị N và anh S chung sống như vợ chồng từ năm 1996 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Đến năm 2003 đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phú Đ, huyện A cấp giấy chứng nhận kết hôn. Chị N và anh S chung sống hạnh phúc, đến năm 2011 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh S có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, về đánh đập hành hạ chị; mâu thuẫn kéo dài đến năm 2015 thì trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh S .

Về con chung: Có 02 con chung tên Ngô Thị Ngọc Ph , sinh ngày 10/4/1998; Ngô Thị Ngọc Ph1, sinh ngày 19/10/1997. Hiện con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Quá trình tố tụng bị đơn anh Ngô Hoàng S trình bày:**

Anh S và chị N chung sống như vợ chồng từ năm 1996 và đăng ký kết hôn vào năm 2003. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, trước đây anh S có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhưng đã từ bỏ. Nay anh S xác định còn tình cảm với chị N , nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung như chị N trình bày. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:**

- *Về tố tụng:* Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

+ Về quan hệ hôn nhân: cho chị Võ Thị Mộng N được ly hôn với anh Ngô Hoàng S .

+ Về con chung: Có 02 con chung tên Ngô Thị Ngọc Ph , sinh ngày 10/4/1998; Ngô Thị Ngọc Ph1, sinh ngày 19/10/1997. Hiện con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn Ngô Hoàng S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh S theo quy định tại khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: đây là vụ án tranh chấp "Xin ly hôn" theo quy định tại khoản 1 điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị N về việc xin ly hôn; Hội đồng xét xử nhận thấy:

- *Về quan hệ hôn nhân*: chị N và anh S chung sống như vợ chồng từ năm 1996 đến ngày 21/4/2003 đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phú Đ , huyện A cấp giấy chứng nhận kết hôn, nên quan hệ hôn nhân của chị Nghi và anh S là hợp pháp và được xác lập kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Chị N và anh S cùng trình bày thống nhất nhau về việc cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2011 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh S có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Sau đó anh chị hàn gắn tình cảm với nhau nhưng lại tiếp tục phát sinh mâu thuẫn nên sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Anh S thì trình bày hiện nay vợ chồng không có mâu thuẫn và anh còn tình cảm với chị Nghi nên không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, thời gian chị N và anh S sống ly thân đến nay đã lâu nhưng anh chị không hàn gắn tình cảm với nhau được; đồng thời theo xác nhận của Trưởng ấp Bà Ti thì mâu thuẫn giữa vợ chồng chị N và anh S như chị N trình bày là đúng sự thật. Anh S yêu cầu được đoàn tụ nhưng anh không đến tham dự phiên tòa để được hàn gắn tình cảm vợ chồng; điều đó cho thấy anh S cũng không tha thiết đến cuộc hôn nhân với chị N. Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy anh S vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: có 02 con chung tên Ngô Thị Ngọc Ph, sinh ngày 10/4/1998; Ngô Thị Ngọc Ph1, sinh ngày 19/10/1997. Hiện con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: chị N và anh S cùng thống nhất không yêu cầu Tòa giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí:* Chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, anh S không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án Dân Sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Mộng N .

Cho ly hôn giữa chị Võ Thị Mộng N và anh Ngô Hoàng S .

2. Về nuôi con chung: có 02 con chung tên Ngô Thị Ngọc Ph, sinh ngày 10/4/1998; Ngô Thị Ngọc Ph1, sinh ngày 19/10/1997. Hiện hai con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về chia tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về án phí:

Chị N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 48747 ngày 05/03/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A.

Anh S không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị M

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B
- VKSND huyện A;
- THADS huyện A;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Đ ;
- Lưu: HS, AV